TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 373/2024/HC-PT
Ngày: 24 - 9 -2024
V/v:"Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Long
Các Thẩm phán: ông Nguyễn Cường
bà Trần Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Trang, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà*:** bà Trần Thị Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý 147/2024/TLPT-HC ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".*
Do Bản án hành chính sơ thẩm số 59/2024/HC-ST ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.
Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1824/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1- Người khởi kiện:
1.1. Ông Lê Văn H.
1.2. Ông Nguyễn Văn D.
Cùng địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.
Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Như H1; địa chỉ: thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

2- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Số I đường T, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.
Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Đình C – Phó Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Nguyễn Thụ K – Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3 - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
3.1. Ban quản lý dự án huyện E, tỉnh Đắk Lắk;
Người đại diện theo ủy quyền: ông Dương Thành N – Kế toán Ban quan lý dự án huyện E, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.
3.2. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E, tỉnh Đắk Lắk.
3.3. Ủy ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.
*Người đại diện theo ủy quyền: ô*ng Đặng Quốc T – Phó Chủ tịch, vắng mặt.

4. Người kháng cáo: UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo bản án sơ thẩm, nội dung như sau:
- *Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, người đại diện của ông* Nguyễn Văn D *trình bày:*
Năm 1999 gia đình ông D nhận sang nhượng của ông Lương Hữu N1, địa chỉ thôn F xã E huyện E, tỉnh Đăk Lăk 01 lô đất có nguồn gốc đất ông N1 khai hoang năm 1994. Khi nhận sang nhượng trên đất có cà phê và cây keo. Năm 2010 gia đình ông chuyển sang trồng 1.000 cây cao su. Ngày 04/8/2017 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện E ra trích lục thửa đất số 13 tờ bản đồ 13 diện tích 17.966,4m^2 đất CLN. Ngày 14/7/2015 UBND huyện E ban hành Thông báo số 186/TB-UBND thu hồi đất thực hiện dự án khu tái định canh, định cư Hồ Krông P thượng. Ngày 12/8/2017, Trung tâm phát triển Quỹ đất huyện E có Biên bản kiểm đếm tài sản có 995 cây cao su trồng năm 2012; 212 cây chuối, 19 cây đinh lăng trồng năm 2013, 01 cây thanh long, 01 cây xoài, 06 cây keo trồng năm 2013.
Ngày 06/10/20107, UBND huyện E ban hành Quyết định số 778/QĐ-UBND về việc thu hồi thửa đất số 13, tờ bản đồ số 13, diện tích 17.966,4m^2 và Quyết định số 324/QĐ-UBND Phê duyệt phương án hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất. UBND huyện E cho rằng gia đình ông D lấn chiếm trái phép dẫn đến không bồi thường là không đúng bởi lẽ lô đất này của gia đình ông D được sử dụng ổn định từ năm 1994 cho đến nay. Tại thời điểm khai hoang và sang nhượng không có ai ngăn cấm, không có biên bản xử phạt vi phạm hành chính.
Năm 2017, UBND huyện E thu hồi diện tích đất của gia đình ông chỉ hỗ trợ tài sản trên đất bằng 80% đơn giá bồi thường và đất được hỗ trợ 60% đơn giá là không đúng, không công bằng. Bởi có 34 hộ dân có đất cùng khu vực với đất của gia đình ông D, có nguồn gốc đất như nhau, được UBND huyện E thu hồi cùng thời điểm để thực hiện cùng một dự án thì các hộ dân này lại được bồi thường đối với đất thu hồi, ngoài ra các hộ này còn được hỗ trợ khi thu hồi đất.

Vì vậy ông Nguyễn Văn D đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xem xét giải quyết:
Hủy một phần Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của UBND huyện E về việc Phê duyệt phương án hỗ trợ. Buộc UBND huyện E phải Ban hành Quyết định phê duyệt phương án mới, bồi thường đối với diện tích 17.966,4m^2 đất trồng cây lâu năm theo khoản 2 Điều 77 Luật đất đai năm 2013; bồi thường đối với cây trồng trên đất; hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ khác theo quy định hiện hành.
- *Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn H trình bày:*
Năm 1999 gia đình ông H nhận chuyển nhượng của ông Lương Hữu K1 (Địa chỉ thôn A xã C, huyện E) 01 lô đất tại thôn A xã C huyện E với diện tích khoảng 3,3 ha trên đất đã trồng K2. Đến năm 2009 gia đình ông H chuyển sang trồng 1200 cây cao su. Năm 2011 gia đình ông tiếp tục trồng thêm 800 cây cao su. Ngày 04/01/2017 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện E ra trích lục thửa đất số: 9, tờ bản đồ số 13, diện tích 32.863,7m^2 đất CLN.
Ngày 14/7/2015, UBND huyện E ban hành Thông báo số 170/TB-UBND thu hồi đất thực hiện dự án khu tái định canh, định cư Hồ Krông P thượng. Ngày 11/8/2017 Trung tâm phát triển Quỹ đất huyện E có Biên bản kiểm đếm tài sản có 400 cây cao su trồng năm 2012, trong đó có 253 loại B và 200 loại A.
Ngày 06/10/2017, UBND huyện E ban hành Quyết định số 777/QĐ-UBND thu hồi thửa đất số 09, tờ bản đồ số 13, diện tích 32.863,7m^2 và Quyết định số: 324/QĐ-UBND về việc Phê duyệt phương án hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất. UBND huyện E chỉ hỗ trợ tài sản trên đất bằng 80% đơn giá bồi thường và đất được hỗ trợ 60% đơn giá với lý do gia đình ông lấn chiếm trái phép là không đúng bởi lẽ lô đất này của gia đình ông H canh tác liên tục và sử dụng ổn định từ năm 1994 cho đến nay. Tại thời điểm khai hoang và sang nhượng không có ai ngăn cấm, không có biên bản xử phạt vi phạm hành chính.
Việc hỗ trợ của UBND huyện E không công bằng, không đúng quy định của pháp luật bởi có 34 hộ dân có đất liền kề có nguồn gốc đất như đất của gia đình ông, U thu hồi cùng một thời điểm để thực hiện cùng một dự án lại được nhận tiền bồi thường, ngoài ra còn được hỗ trợ nhiều nội dung khác.
Vì vậy ông Lê Văn H đề nghị Tòa án xem xét giải quyết:
Hủy một phần Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của UBND huyện E về việc Phê duyệt phương án hỗ trợ đối với gia đình ông. Buộc UBND huyện E phải Ban hành Quyết định phê duyệt phương án mới, bồi thường đối với diện tích đất và tài sản gắn liền trên đất cho gia đình ông H; đề nghị hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ khác theo quy định hiện hành.

- *Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:*

Nguồn gốc đất: trước thời điểm năm 2003, diện tích đất của các đương sự nằm trong diện tích đất Nhà nước giao cho Lâm trường Ea Kar quản lý. Do quản lý lỏng lẻo nên đã để các hộ dân lấn chiếm, sử dụng. Đến ngày 04/7/2003 UBND

tỉnh Đ ban hành Quyết định số 2107/QĐ-UBND thu hồi 2.672,3 ha đất của Lâm trường Ea Kar, giao về cho UBND huyện E quản lý theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, trong đó có phần diện tích đất của ông D và ông H. Sau khi giao về địa phương quản lý, đến năm 2013 thì triển khai dự án khu tái định canh, định cư Hồ Krông P thượng tại xã C huyện E. Ngày 14/7/2015, UBND huyện E ban hành Thông báo thu hồi đất thực hiện dự án khu tái định canh, định cư Hồ Krông P thượng tại xã C. Đến tháng 10 năm 2017, UBND huyện E ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định Phê duyệt phương án hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất.

Đối với hộ ông Lê Văn H*:* Trên cơ sở xác nhận tại Báo cáo số 59/BC-UBND ngày 08/8/2017 của UBND xã C, Thửa đất số 9 tờ 13 diện tích 32.863,7m^2 từ năm 1999 đến năm 2010 ông H không sử dụng, canh tác trên đất, đến năm 2011 ông H san, ủi, đến năm 2012 trồng cao su.

Ngày 15/3/2011, UBND xã C lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; ngày 25/8/2011 UBND xã đã ban hành Thông báo số 08/TB-UBND về việc nghiêm cấm sử dụng canh tác trên diện tích đất san ủi trái phép của hộ ông Lê Văn H. Ngày 05/12/2011, UBND xã C có biên bản cưỡng chế 5 hộ vi phạm (trong đó có hộ ông Lê Văn H) việc san ủi đất trái phép và trồng cao su.

Đối với hộ Nguyễn Văn D*:* Hộ ông Nguyễn Văn D đang bao chiếm diện tích 17.966,4m^2, thuộc thửa số 13, tờ bản đồ số 13 (bản đồ tái định canh, định cư đo năm 2013). Từ năm 1999 đến năm 2010 ông D không sử dụng, canh tác trên đất, đến năm 2011 ông D san, ủi, đến năm 2012 trồng cao su.

Ngày 03/8/2011, UBND xã C đã lập biên bản vi phạm trong lĩnh vực đất đai về lấn chiếm đất trái phép do UBND xã quản lý và yêu cầu tự nhổ bỏ diện tích trồng cây sao su trái phép. Ngày 05/8/2011, UBND xã C đã có thông báo số 17/TB-UBND về việc tự nhổ bỏ cây cao su trồng trái phép trên đất quy hoạch. Ngày 09/8/2011, UBND xã đã có thông báo số 18/TB-UBND về việc tự nhổ bỏ diện tích trồng cây cao su trái phép trên đất quy hoạch. Ngày 02/11/2011, UBND xã đã thông báo số 159/TB-UBND về việc tự nhổ bỏ diện tích trồng cây cao su trái phép trên đất quy hoạch. Ngày 05/12/2011 UBND xã đã lập biên bản cưỡng chế 5 hộ (trong đó có hộ ông Nguyên Văn D1) về giải tỏa khu vực đất san ủi trái phép cao su.

Đối với việc hỗ trợ về đất: 02 hộ đang sử dụng đất là chiếm đất của UBND xã C quản lý mà có nên toàn bộ diện tích đất mà 02 hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng này không đủ điều kiện được bồi thường về đất. Chế độ hỗ trợ đã được UBND tỉnh Đ đồng ý tại Công văn số 1706/UBND-NNMT ngày 15/03/2017 xác định mức hỗ trợ 60% giá đất trong bảng giá đất tại vị trí thu hồi.

Việc UBND huyện E ban hành Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của UBND huyện E về việc phê duyệt Phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất phục vụ xây dựng công trình khu tái định canh, định cư thuộc Dự án Hồ chứa nước Krông Pách Thượng, tỉnh Đắk Lắk là đúng quy định pháp luật. UBND huyện E đề nghị TAND tỉnh xét xử theo quy định.

[2] Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 59/2024/HC-ST ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:
Căn cứ Điều 30; Điều 32; Điều 115; Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193 và Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính;
Áp dụng Điều 74; điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013;
Áp dụng khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.
Tuyên xử:
1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H và ông Nguyễn Văn D.
Hủy một phần Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình khu tái định canh, định cư thuộc Dự án: Hồ chứa nước Krông Pách thượng, tỉnh Đăk Lắk, phần nội dung hỗ trợ đối với đất thu hồi cho hộ gia đình ông Lê Văn H và ông Nguyễn Văn D.
Buộc Ủy ban nhân dân huyện E phải ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình khu tái định canh, định cư thuộc Dự án: Hồ chứa nước Krông Pách thượng, tỉnh Đăk Lắk cho hộ gia đình ông Lê Văn H và ông Nguyễn Văn D về nội dung bồi thường đối với đất; Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; Hỗ trợ bổ sung cho hộ ông Nguyễn Văn D đối với 19 cây đinh lăng trồng năm 2013, 01 trụ thanh long trồng năm 2013 theo đúng quy định của pháp luật
2. Hủy quyết định giải quyết khiếu nại số 35/QĐ-UBND ngày 15/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện E.
Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng cáo:
Ngày 09 - 5 - 2024 UBND huyện E kháng cáo bản án sơ thẩm. Nêu lý do kháng cáo là theo kết quả xác nhận nguồn gốc của UBND xã C và các hồ sơ liên quan thể hiện vị trí 02 hộ gia đình Lê Văn H và Lê Văn D2 bị thu hồi đã được đoàn Thanh tra kết luận là hành vi chiếm đất, nên không đủ điều kiện bồi thường về đất. Sau khi chiếm đất thì 02 hộ này sử dụng không liên tục. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện.

[4] Tại phiên toà phúc thẩm:
Đại diện người kháng cáo đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên đơn kháng cáo. Có gửi văn bản trình bày ngày 31-5- 2024 nêu 03 căn cứ kháng cáo: Toà án cấp sơ thẩm huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại nhưng không đưa Chủ tịch UBND huyện vào tham gia tố tụng; việc lập Biên bản vi phạm hành chính là có thật, nhưng do có nhiều biến động về tổ chức từ năm 2015-2020 nên hồ sơ xử lý vi phạm đã thất lạc, chỉ còn bản phô tô; các hộ dân kể từ thời điểm chiếm đất

không tổ chức sản xuất, không có nguồn thu nhập trên đất. Từ năm 2013 hộ gia đình tổ chức sản xuất lại, san ủi cày xới để trồng cây cao su và cây ăn trái, vi phạm việc trồng cây trên đất quy hoạch và đã bị UBND xã lập biên bản vi phạm. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 23 Quyết định 39/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ xác định các mức hỗ trợ.

Đại diện người khởi kiện có ý kiến cho rằng đa số những người dân ở khu vực bị thu hồi đất này đều có nguồn gốc và quá trình sử dụng đất như nhau, nhưng họ đều được bồi thường, còn 02 người khởi kiện thì lại chỉ được hỗ trợ ít ỏi, không đủ để trang trãi cuộc sống. Ngoài 02 hộ trong vụ án này còn một số hộ nữa cũng không được bồi thường, nên cũng đã khởi kiện và đã được xét xử sơ thẩm chấp nhận khởi kiện. Quá trình sử dụng đất thì người dân không bị lập biên bản xử lý, không bị xử lý hành chính; vì đất bỏ hoang nên khuyến khích nhân dân khai phá sử dụng; đất này thuộc trường hợp là nhà nước quản lý chung về đất đai chứ không phải đã giao cho một Cơ quan nhà nước nào sử dụng. Đề nghị giữ y như bản án sơ thẩm để giữ được sự công bằng chung trong thu hồi đất và bồi thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: đây là phiên tòa phúc thẩm được mở lần thứ hai, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo, sửa Bản án hành chính sơ thẩm theo hướng bác đơn khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 06/10/2017, Ủy ban nhân dân huyện E ban hành Quyết định số 324/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình khu tái định canh, định cư thuộc Dự án: Hồ chứa nước Krông Pách thượng, tỉnh Đăk Lăk (Quyết định số 324/QĐ-UBND).

Ngày 15/01/2018, Chủ tịch UBND huyện E ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 35/QĐ-UBND (Quyết định số 35/QĐ-UBND) nhưng UBND huyện E không cung cấp được tài liệu đã gửi các quyết định này cho ông Nguyễn Văn D và ông Lê Văn H. Theo Biên bản làm việc về việc cung cấp hồ sơ (BL 121, 123, 124) thì đến ngày 03/4/2023 những người khởi kiện mới nhận được quyết định số 324/QĐ-UBND và ngày 02/8/2023 mới nhận được quyết định giải quyết khiếu nại số 35/QĐ-UBND. Ngoài ra, ông D và ông H còn gửi đơn tố cáo đến Cơ quan cảnh sát điều tra. Đến ngày 19/4/2023, hành vi sai trái của một số Cán bộ nhà nước trong quá trình lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân bị xét xử tại Bản án số 29/2023/HSST của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Đến ngày 24/10/2023, ông D và ông H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết huỷ Quyết định số 324/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ để UBND

huyện lập phương án bồi thường lại là còn thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:
Theo Kết luận thanh tra thì trước năm 2003 đất khu vực ông H ông D đang sử dụng do Lâm trường Ea Kar quản lý. Ngày 04/7/2003 UBND tỉnh Đ ban hành quyết định số 2107/QĐ-UBND thu hồi 2.672,3 ha đất của Lâm trường Ea Kar, giao UBND huyện E quản lý theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Theo quy hoạch sử dụng đất của xã C giai đoạn 2006-2010 được UBND huyện E phê duyệt, khu vực này được quy hoạch là đất trồng lúa. Năm 2009, Bộ N3 ban hành quyết định phê duyệt dự án đầu tư Dự án Hồ C thượng. Đến ngày 17/12/2012, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 2999/ QĐ-UBND Phê duyệt quy hoạch chi tiết điểm tái định cư số 1 tại thôn A xã C, huyện E.
Diện tích đất thu hồi của ông H là do Nguyễn Hữu K3 khai hoang năm 1994, đến năm 1999 thì chuyển nhượng lại cho ông H. Diện tích đất thu hồi của ông D là do Nguyễn Hữu N2 khai hoang năm 1994, đến năm 1999 thì chuyển nhượng lại cho ông D. Quá trình khai hoang sử dụng không bị lập biên bản vi phạm hay ngăn chặn. Việc chuyển nhượng được UBND xã lập biên bản xác minh là có thật, được lập giấy viết tay có người làm chứng (*BL625-626*). Ông Nguyễn Hữu K3 và ông Nguyễn Hữu N2 đã có văn bản gửi Tòa án trình bày xác nhận việc khai hoang và đã sang nhượng như đã nêu trên.
Theo Quyết định thu hồi đất số 778/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của UBND huyện E đối với hộ ông Nguyễn Văn D (*BL 71*) và theo trích lục bản đồ địa chính thì diện tích đất ông D bị thu hồi là thửa đất số: 13 tờ bản đồ 13 diện tích 17.966,4m^2 đất CLN (Đất trồng cây lâu năm).
Theo Quyết định thu hồi đất số 777/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của UBND huyện E đối với hộ ông Lê Văn H (*BL 51*) và trích lục bản đồ địa chính thì diện tích đất hộ gia đình ông H bị thu hồi là thửa đất số: 9, tờ bản đồ số 13 có diện tích 32.863,7m^2 đất CLN (Đất trồng cây lâu năm).
Theo biên bản lập ngày 24/6/2016 của UBND xã C đối với hộ ông Nguyễn Văn D (*BL 618),* tại mục "Thời điểm, nguồn gốc sử dụng đất" có nêu: "*Ông D nhận chuyển nhượng của ông Lương Hữu N1 năm 1999, có giấy tờ kèm theo. Năm 1999, gia đình có trồng keo trên đất, đến năm 2009 gia đình chuyển đổi sang trồng cây cao su, hiện còn sót lại 07 cây keo thường từ năm 1999. Sử dụng từ 1999 đến nay và sử dụng ổn định*".
Biên bản xác minh lập ngày 28/6/2016 của UBND xã C đối với hộ ông Lê Văn H (*BL 630*), tại mục "Thời điểm, nguồn gốc sử dụng đất" có nêu: "*Ông H nhận chuyển nhượng của ông Lương Hữu K1 năm 1999, có giấy tờ chuyển nhượng kèm theo, khi chuyển nhượng có cây keo trên đất. Sau khi khai thác keo, đến năm 2010 ông H chuyển đổi sang trồng cây cao su, khoảng 1.100 cây*".
Báo cáo số 37 ngày 15/5/2017 của UBND xã C (BL 530) xác nhận: hộ ông Lê Văn H và ông Nguyễn Văn D có trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập từ diện tích đất thu hồi.

Kết luận Thanh tra ngày 07/12/2016 căn cứ Bản đồ hiện trạng để cho rằng hộ ông H và hộ ông D không sử dụng đất liên tục từ năm 1999 đến năm 2010. Sau khi các hộ có khiếu nại, ngày 26/9/2017 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ có văn bản đề nghị UBND huyện E xác minh lại năm trồng cao su và thực tế các hộ dân có sử dụng liên tục hay không để trả lời (BL 330). Sau khi xác minh vào ngày 02/10/2017 (BL 325), Chi nhánh Trung tâm quỹ đất huyện E có Báo cáo số 61 ngày 06/10/2017 xác định tuổi cây cao su là trồng năm 2011 chứ không phải năm 2012 như kết luận thanh tra đã nêu trước đó (BL326), không xác minh nội dung sử dụng đất liên tục theo yêu cầu của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ. Ngày 13/11/2017, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh có công văn đề nghị UBND huyện E kiểm tra, xem xét tính sản xuất liên tục của hộ ông H và ông D để có phương án phù hợp (BL 251) nhưng UBND huyện không thực hiện. Các tài liệu mà UBND huyện E giao nộp cho Tòa án cũng không có tài liệu nào thể hiện tại thời điểm 1999-2010 có thành lập Đoàn kiểm tra hiện trạng sử dụng đất của hộ ông H và hộ ông D. Tại giai đoạn phúc thẩm thì cũng có tài liệu chứng cứ nào mới để làm cơ sở chứng minh.

Như vậy, sau khi UBND tỉnh thu hồi đất của Lâm trường để giao địa phương quản lý theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng thì hộ ông H và hộ ông D đều trực tiếp sản xuất nông nghiệp, việc sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp với cá nhân nào khác. Chính quyền địa phương cũng không có biện pháp để các hộ gia đình giao trả đất đang sử sụng khi đã được UBND tỉnh giao địa phương quản lý. Đến năm 2011, UBND xã C mới lập Hồ sơ xử phạt hành chính đối với hộ ông H và hộ ông D – sau thời điểm các hộ gia đình này nhận chuyển nhượng đất.

[3] Xem xét các căn cứ sử dụng đất và bồi thường:
Tại Điều 22 Nghị định số 43/2014/N Đ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về việc xử lý, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 quy định như sau:
"2. Trường hợp sử dụng đất lấn, chiếm đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các nông trường, lâm trường quốc doanh, Ban quản lý rừng, trung tâm, trạm, trại, công ty N4, lâm nghiệp thì thực hiện xử lý theo quy định như sau:
.....;
c) Trường hợp lấn, chiếm đất và nay đang sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở và không thuộc quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, xây dựng công trình hạ tầng công cộng thì người đang sử dụng đất được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất".
Như vậy, trường hợp không có quy hoạch để thực hiện dự án thì hộ gia đình ông H và gia đình ông D có đủ điều kiện xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. UBND huyện E ban hành quyết định thu hồi đất đối với các hộ gia

đình ông D và ông H nên theo quy định tại khoản 1 Điều 74 của Luật đất đai năm 2013 thì người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất phải được bồi thường.
Quá trình xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ liên quan đến Dự án Hồ chứa nước Krông Pách thượng, UBND tỉnh Đ đã xin ý kiến của Bộ T1 (tại Công văn số 801/STNMT-GĐ&GPMB ngày 21/6/2016) và được trả lời tại Công văn số 1927/TCQLĐĐ-CKTPTQĐ ngày 03/10/2016 của T2 – Bộ T1 hướng dẫn giải quyết vướng mắc trong bồi thường, giải phóng mặt bằng, trong đó có hướng dẫn "*đối với trường hợp các hộ dân lấn chiếm, sử dụng đất trước ngày 01/7/2004 để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở mà đất này đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các nông trường, lâm trường quốc doanh trước đây, nay Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 61, Điều 62 của Luật Đất đai thì người sử dụng đất được bồi thường về đất*".
Quá trình triển khai thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ cùng một Dự án: Hồ chứa nước Krông Pách thượng, cùng nguồn gốc đất thu hồi nhưng đối với các hộ gia đình khác thì UBND huyện E lại bồi thường về đất (Quyết định số 2235/ QĐ-UBND ngày 22/12/2016; Quyết định số 2660/ QĐ-UBND ngày 30/12/2016; Quyết định số 763/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 – BL 342) nhưng chỉ hỗ trợ cho hộ ông H và hộ ông D là chưa phù hợp.
Do có diện tích đất thực tế đang sử dụng trước ngày 01-7-2004 và trong hạn mức, các quy định pháp luật đều xác định là được "*bồi thường*"; nên ông Nguyễn Văn D và ông Lê Văn H khởi kiện yêu cầu hủy quyết định phê duyệt phương án ***hỗ trợ*** khi thu hồi đất của các ông đang sử dụng là có căn cứ theo quy định Điều 74, Điều 75 và Điều 77 của Luật Đất đai năm 2013.

[4] Đối với cây trồng trên đất:
Biên bản kiểm tra, rà soát về đất, tài sản gắn liền với đất lập ngày 11/8/2017 đối với hộ ông Lê Văn H (*BL 352*) thì tài sản trên đất có 453 cây cao su trồng năm 2012. Biên bản kiểm tra, rà soát về đất, tài sản gắn liền với đất lập ngày 12/8/2017 đối với hộ ông Nguyễn Văn D (*BL 348*) thì tài sản trên đất có 995 cây cao su trồng năm 2012, 20 cây chuối ra hoa có buồng, 89 cây chuối cao trên 1,5m, 103 cây chuối mới trồng, 19 cây đinh lăng trồng năm 2013, 01 trụ thanh long trồng năm 2013, 01 cây xoài thường trồng năm 2013 và 06 cây keo trồng năm 2010.
Cây cao su được hộ ông Lê Văn H và Nguyễn Văn D trồng từ năm 2011. Mặc dù được trồng trước khi có Thông báo thu hồi đất của UBND huyện E nhưng thời điểm trồng đã được UBND xã C thông báo, cưỡng chế giải tỏa vào ngày 08/12/2011 (BL 611) có chữ ký của ông H và ông D. Do đó, UBND huyện E hỗ trợ với mức 80% đơn giá cây trồng do UBND tỉnh quy định là phù hợp. Tuy nhiên, UBND huyện E hỗ trợ thiếu đối với 19 cây đinh lăng, 01 trụ thanh long đối với hộ ông D nên cần hỗ trợ bổ sung đối với số lượng cây này.

[5] Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 35/QĐ-UBND ngày 15/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện E mặc dù không bị khởi kiện nhưng có liên quan đến quyết định hành chính bị kiện, trong khi Quyết định hành chính bị kiện đã được

xem xét cần phải huỷ.Tòa án cấp sơ thẩm đã có văn bản đề nghị UBND huyện cung cấp hồ sơ giải quyết khiếu nại nhưng không cung cấp, để tránh vướng mắc trong quá trình thi hành án nên cũng cần hủy bỏ là đúng quy định theo điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính. Quyết định 35 nêu trên là quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan, thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND huyện; do đó Toà án cấp sơ thẩm khi xét xử sơ thẩm không đưa Chủ tịch UBND huyện vào tham gia tố tụng là thiếu sót. Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm, đại diện UBND huyện là một vị Phó Chủ tịch UBND huyện và có các đại diện Ban, ngành có chức năng liên quan đều có trong thành phần tham gia tố tụng; nên việc không đưa Chủ tịch UBND huyện tham gia tố tụng cũng không làm thay đổi nội dung vụ án, không làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ hợp pháp của Chủ tịch UBND huyện E. Hội đồng xét xử phúc thẩm đề nghị Toà án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[6] Bản án sơ thẩm đã xem xét, đánh giá toàn bộ các tài liệu chứng cứ và các yêu cầu khởi kiện; đã quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H và ông Nguyễn Văn D là có căn cứ pháp luật. Tuy nhiên, tại phần Quyết định của bản án sơ thẩm quy định cụ thể chi tiết các loại hỗ trợ là chưa phù hợp, đây là nội dung thuộc thẩm quyền của Cơ quan quyết định thu hồi đất và Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường trên cơ sở cần phải xem xét các điều kiện, tiêu chuẩn khác ngoài điều kiện là được bồi thường về đất, theo từng trường hợp, hoàn cảnh của mỗi đương sự. Do đó, cần điều chỉnh nội dung tuyên buộc Ủy ban nhân dân huyện E phải ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình khu tái định canh, định cư thuộc Dự án: Hồ chứa nước Krông Pách thượng, tỉnh Đăk Lắk cho hộ gia đình ông Lê Văn H và ông Nguyễn Văn D về nội dung bồi thường đối với đất và hỗ trợ theo đúng quy định của pháp luật. Hỗ trợ bổ sung cho hộ ông Nguyễn Văn D đối với 19 cây đinh lăng trồng năm 2013, 01 trụ thanh long trồng năm 2013 theo quy định chung.

Về án phí hành chính phúc thẩm UBND huyện phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; bác kháng cáo của UBND huyện E và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 59/2024/HC-ST ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

2. Căn cứ Điều 30; Điều 32; Điều 115; Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193 và Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính;

Áp dụng Điều 74, 75, 77; điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H và ông Nguyễn Văn D.

Hủy một phần Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình khu tái định canh, định cư thuộc Dự án: Hồ chứa nước Krông Pách thượng, tỉnh Đăk Lắk, phần nội dung hỗ trợ đối với đất thu hồi cho hộ gia đình ông Lê Văn H và ông Nguyễn Văn D.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện E phải ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình khu tái định canh, định cư thuộc Dự án: Hồ chứa nước Krông Pách thượng, tỉnh Đăk Lắk cho hộ gia đình ông Lê Văn H và ông Nguyễn Văn D về nội dung bồi thường đối với đất và hỗ trợ theo quy định pháp luật; Hỗ trợ bổ sung cho hộ ông Nguyễn Văn D đối với 19 cây đinh lăng trồng năm 2013, 01 trụ thanh long trồng năm 2013 theo quy định chung.

2.2. Hủy quyết định giải quyết khiếu nại số 35/QĐ-UBND ngày 15-01-2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E.

3. Về án phí:

- UBND huyện E phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm.
- Án phí hành chính phúc thẩm UBND huyện E phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0012879 ngày 21-5-2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.
- Hoàn trả cho ông Lê Văn H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp (do ông Nguyễn Như H1 nộp thay) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004081 ngày 30/10/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.
- Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn D 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp (do ông Nguyễn Như H1 nộp thay) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004073 ngày 30/10/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND tỉnh Đăk Lăk;
- Cục THADS tỉnh Đăk Lăk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Nguyễn Tấn Long